

ĐỀ cương ôn tập môn pháp luật bảo vệ môi trường

I. Tổng quan

1. Các nguyên tắc của luật môi trường đối với luật quốc tế

II. Chương 1: Luật quốc tế về môi trường

1. Khái niệm luật quốc tế về môi trường

- Khái niệm

- Đối tượng điều chỉnh và chủ thể luật môi trường quốc tế

2. Các sự kiện quan trọng trong quá trình hình thành luật quốc tế về môi trường

- Hội nghị Stockholm

- Hội nghị liên hợp quốc về môi trường phát triển năm 1992

3. Nội dung các điều ước quốc tế của khu vực về môi trường mà Việt Nam là thành viên

- Công ước về các vùng đất ngập nước – công ước RAMSAR

- Công ước đa dạng sinh học

- Công ước khung của liên hợp quốc về biến đổi khí hậu

III. Chương 2: Pháp luật bảo vệ môi trường Việt Nam

1. Tính tất yếu hình thành hệ thống luật bảo vệ môi trường ở Việt Nam

1.1. Cơ sở lí luận của việc xây dựng hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường

1.2. Cơ sở thực tế về hiện trạng môi trường ở Việt Nam

2. Quan điểm của sửa đổi luật bảo vệ môi trường Việt Nam 2005

3. Cấu trúc và nội dung chính của luật 2005

Nội dung bao gồm một số điều sau: Điều 4, 10, 14, 16, 18, 20, 33, 35, 36, 37, 49, 53, 66, 70, 71, 86 khoản 1, 88, 122, 127.

(Ghi chú : đề sẽ có 1 câu hỏi về luật quốc tế, 1 câu hỏi về luật Việt Nam)

I- Tổng quan

1, Nguyên tắc của luật quốc tế về môi trường

- Tôn trọng giới hạn chịu đựng của môi trường và con người: Những mục tiêu môi trường nhằm quản lý sự phát triển xã hội 1 cách bền vững phải được dựa trên những giới hạn chịu đựng của môi trường và của con người trước những chất gây ô nhiễm và những tác hại khác lên môi trường
- Khái niệm về tải lượng tối hạn :Tải lượng tối hạn là mức tải lượng cao nhất mà tại đó không gây tác hại đến môi trường thậm chí sau 1 thời gian dài chịu tải . tải lượng đích là mục tiêu ở bất kì 1 điểm nào cho trước trên cơ sở những mục tiêu chính trị và hành chính
- Nguyên tắc người gây ô nhiễm phải trả tiền :Người gây ô nhiễm phải chịu những phí tổn bảo vệ môi trường và những chi phí hoạt động môi trường khác . Nguyên tắc này tăng cơ hội cho việc định giá sản phẩm cuối cùng và giá này phản ánh chi phí thực của sản phẩm. Nói cách khác , chi phí môi trường được tính trong chi phí sản phẩm
- Công nghệ sẵn có tốt nhất: Biểu thị giai đoạn phát triển sau cùng trình độ kỹ nghệ của các hoạt động, các quá trình và các phương pháp hoạt động của chúng , chỉ ra tính thực tế của kỹ thuật đặc trưng nhằm ngăn ngừa và giảm phát thải vào môi trường
- Nguyên tắc thận trọng: những việc thiếu những căn cứ khoa học sẽ không được sử dụng
- Nguyên tắc thay thế: thay thế sử dụng lượng hóa chất nguy hại ít nhất mà vẫn đạt được những hiệu quả về lợi ích đáp ứng yêu cầu
- Nguyên tắc ngăn ngừa: ngăn ngừa các nguyên nhân tiềm tàng gây ra ô nhiễm và suy thoái môi trường
- Nguyên tắc Xã hội chu kì sinh thái : các dòng vật chất khác nhau trong xã hội được giảm thiểu và giới hạn ở mức mà các dòng thải từ xã hội vào môi trường không vượt quá giới hạn chịu tải của môi trường và con người , phần còn lại của sản phẩm và các chất thải đưa vào chu kì sinh thái theo cách tự nhiên để tạo nguồn tài nguyên mới.

Chương II Luật quốc tế về môi trường

I) Khái niệm luật quốc tế về môi trường

1) khái niệm:

Luật quốc tế về môi trường là tổng hợp các nguyên tắc , qui phạm cơ bản và đặc thù của luật quốc tế điều chỉnh hoạt động của các quốc gia trong phòng ngừa , giảm bớt và xóa bỏ , khắc phục những thiệt hại các loại do các nguồn gây ra đối với môi trường tự nhiên của các nước và môi trường ngoài phạm vi quyền tài phán quốc gia

2) Đối tượng điều chỉnh và chủ thể của luật quốc tế về môi trường:

Là 1 ngành luật độc lập của công pháp quốc tế đối tượng điều chỉnh là các mối quan hệ giữa các quốc gia với các chủ thể khác về môi trường

Chủ thể bao gồm các quốc gia, các tổ chức quốc tế liên chính phủ và các dân tộc đang đấu tranh giành độc lập và trong đó quốc gia là chủ thể chủ yếu
Môi trường bao gồm trái đất và môi trường xung quanh: khí quyển , khoáng không vũ trụ , đại dương , các nguồn nước ,các tài nguyên thiên nhiên và hệ động thực vật

Tài nguyên thiên nhiên chia làm 3 loại chính :

- + TNTN nằm dưới quyền tài phán quốc gia và quốc gia có toàn quyền quyết định
- + TNTN dưới quyền tài phán của 2 hay nhiều quốc gia : sông, ĐV di cư, khí hậu
- + TNTN quốc tế ngoài quyền tài phán quốc gia: biển , Nam cực, vũ trụ, thềm lục địa

II) Các sự kiện quan trọng trong quá trình hình thành luật quốc tế về môi trường

- **) Hội nghị Stockholm về môi trường con người**
 - o Thụy điển 1972
 - o 113 quốc gia tham gia hội nghị
 - o Gồm 26 nguyên tắc và 119 khuyến nghị về hành động bảo vệ môi trường
 - o Môi trường được quốc tế nhận thức đúng mức và pháp luật quốc tế về bảo vệ môi trường được quan tâm và thúc đẩy mạnh mẽ.
 - o Thành lập chương trình liên hợp quốc UNEP
 - o Tạo ra cơ sở quan trọng cho việc hình thành một số nguyên tắc quan trọng của luật quốc tế về môi trường
 - o Sự thỏa hiệp giữa các nước phát triển và đang phát triển về sự suy giảm về môi trường do các điều kiện kém phát triển gây ra
 - o Khắc phục bằng sự phát triển và sự giúp đỡ tài chính và kỹ thuật tăng cường sự phát triển trong hiện tại và tương lai , Ổn định giá cả và thu nhập hàng hóa và nguyên liệu thô.
- **) Hội nghị liên hợp quốc về môi trường phát triển 1992**
 - o 1989 liên hợp quốc thông qua hội nghị về môi trường
 - o 1992 bắt đầu hội nghị liên hợp quốc về môi trường và phát triển Riode janeiro Brazil
 - o 178 quốc gia tham gia , 118 nguyên thủ , 10000 nhà môi trường 80000 nhà báo
 - o RIO khẳng định lại tuyên bố của HN Stockholm 1972
 - o Bao gồm 5 văn kiện “ Công ước khung về biến đổi khí hậu” “ Công ước khung về đa dạng sinh học” “Tuyên bố về các nguyên tắc rừng” “Tuyên bố với 27 nguyên tắc lớn và chương trình nghị sự 21”
 - o RIO chỉ rõ vấn đề môi trường không chỉ là vấn đề sinh học , vật lý mà nó còn không thể tách rời các vấn đề chính trị KT VH XH
 - o Phát triển KT và bảo vệ môi trường là 2 mặt của 1 vấn đề
 - o Sử dụng nguồn TNTN hợp lý , bảo vệ các nguồn TN cho thế hệ mai sau
 - + Khẳng định thực hiện quyền phát triển của quốc gia
 - + Trách nhiệm của các quốc gia với hệ sinh thái trái đất
 - + Qui định nghĩa vụ quốc gia
 - + Tôn trọng lập pháp quốc tế, bảo vệ môi trường
 - + Nhận thức của cộng đồng quốc tế về việc bảo vệ môi trường
 - + Tạo ra cơ sở căn bản trong việc phát triển bền vững

III) Nội dung các điều ước quốc tế của khu vực về môi trường mà Việt nam là thành viên

Công ước quốc tế là văn bản ghi rõ những việc cần tuân theo và những điều bị cấm thi hành liên quan đến 1 lĩnh vực nào đó do 1 nhóm nước

thỏa thuận và cùng cam kết thực hiện nhằm tạo ra tiếng nói chung , sự thống nhất về hành động và sự hợp tác trong các nước thành viên

Công ước quốc tế có hiệu lực trọn vẹn với các nước thành viên những cũng có tác động rất lớn đối với các nước trong khu vực chưa tham gia

Có 300 công ước QT về bảo vệ MT , VN đã tham gia hơn 20 công ước

- **) Công ước RAMSAR- Công ước về các vùng đất ngập nước:**
 - Kí kết tại RAMSAR, Iran 1971
 - Có hiệu lực năm 1975 hơn 100 nước tham gia
 - VN là nước thứ 50 kí kết công ước vào năm 1989
 - Có 900 vùng đất ngập nước đưa vào danh sách có ý nghĩa quốc tế(65 triệu ha)
 - UNESCO phụ trách lưu chuyển công ước
 - Văn phòng RAMSAR đặt tại tổ chức bảo tồn thế giới IUCN tại Gland Thụy sĩ
 - Công ước duy trì liên hệ chặt chẽ với các công ước môi trường toàn cầu khác
 - Các vùng ĐNN là các khu vực trong đó nước là nhân tố chính điều chỉnh môi trường và đời sống của động thực vật liên quan
 - Các Vùng ĐNN thường thấy ở những nơi mực nước gần sát hoặc bằng mặt đất hoặc ở những nơi có nước nông
 - 5 hệ đất ngập nước được công nhận chung:
 - + Biển (vùng ĐNN ven biển , phá , bờ đá , rạn san hô)
 - + Cửa sông (Châu thổ , đầm lầy triều , đầm nước)
 - + Ven hồ (vùng ĐNN liên quan đến các hồ)
 - + Ven sông (vùng ĐNN dọc theo sông suối)
 - + Đầm lầy (đầm lầy và đầm lầy than bùn)
- Ngoài ra còn có các vùng ĐNN nhân tạo ao cá , tôm , ô muối , hồ chứa , mỏ sỏi , kênh nước thải cống
- Quốc gia nào cũng có Vùng ĐNN từ vùng lãnh nguyên đến các khu vực nhiệt đới

- **) Công ước đa dạng sinh học:**

Thông qua hội nghị thượng đỉnh TĐ tại Riodejaneiro 1992

Có hiệu lực từ 1993, tới nay có 118 quốc gia phê chuẩn công ước

Văn bản đầu tiên là công ước khung trên phạm vi toàn cầu về bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học

Tùy từng hoàn cảnh mà các bên tham gia sẽ có cách thực hiện công ước khác nhau

3 mục tiêu chính:

- + Bảo tồn đa dạng sinh học
- + Sử dụng bền vững các thành phần của đa dạng sinh học
- + Chia sẻ công bằng và bình đẳng các lợi ích thu được từ việc sử dụng tài nguyên sinh học

3 mục tiêu trên được chuyển thể thành các điều khoản:

Xây dựng kế hoạch bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia

Xác định giám sát đa dạng sinh học , bảo tồn ngoại vi , sử dụng bền vững

Các biện pháp khuyến khích kinh tế, nghiên cứu và đào tạo giáo dục và nâng cao nhận thức quần chúng, đánh giá và giảm thiểu tác động, tiếp cận tài nguyên di truyền, tiếp cận và chuyển giao công nghệ, trao đổi thông tin và công nghệ sinh học và việc phân phối lợi ích

Việt nam tham gia công ước đa dạng sinh học

Phê chuẩn công ước: Nhìn rõ tầm quan trọng của việc bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học. VN đã trở thành 1 trong những quốc gia đầu tiên phê chuẩn công ước(1994) do chủ tịch nước kí kết

Hiện nay Bộ TN&MT chịu trách nhiệm thực hiện công ước

Thực hiện công ước:

- + XD kế hoạch hành động đa dạng sinh học của VN- BAP có hiệu lực từ 1995
- + mục tiêu BAP: bảo vệ đa dạng sinh học phong phú và đặc sắc của VN trong khuôn khổ phát triển bền vững
- + đưa ra những khuyến nghị chương trình và các hành động mang tính định hướng đối với hoạt động bảo tồn đa dạng sinh học trên phạm vi toàn quốc
- + VN tiến hành xd hệ thống các khu bảo tồn thiên nhiên

Vườn quốc gia vườn đặc dụng

- + giáo dục và nâng cao nhận thức về bảo tồn đa dạng sinh học
- + sử dụng tài nguyên sinh vật phù hợp, tránh giảm thiểu tác động tới ĐDSH
- + sử dụng biện pháp kinh tế trong việc giải quyết bài toán môi trường và đa dạng sinh học

•) Công ước khung của liên hợp quốc về biến đổi khí hậu

1992 công ước ra đời với sự thỏa thuận của các nước trên thế giới

Nước ta phê chuẩn công ước này 1994 và ký nghị định thư Kyoto 1998

4 vấn đề lớn:

- Vấn đề 1: Con người đối phó với nguy cơ biến đổi khí hậu nhanh chóng và mạnh mẽ trong các thập kỉ và thế kỉ tới
- TĐ tăng 1-3,5 độ trong 100 năm tới ảnh hưởng của nó ra sao vì khí hậu toàn cầu là 1 hệ thống rất phức tạp
- Vấn đề 2: biến đổi khí hậu là mối đe dọa lớn đối với loài người
- Vấn đề 3: sự bất công đối với vấn đề biến đổi khí hậu gây bức tức trong các mối quan hệ giữa các nước giàu nghèo trên thế giới
- Vấn đề 4: Hành tinh xanh chịu đựng sự căng thẳng cho cuộc sống tốt đẹp của con người, sự tiêu thụ cạn kiệt của con người

III) Chương 2 Pháp luật bảo vệ môi trường VN

1 tính tất yếu hình thành hệ thống luật bảo vệ môi trường VN

1.1 cơ sở lý luận của việc XD PL về việc BVMT

Điều chỉnh hành vi của xã hội nhằm giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường, suy thoái đa dạng sinh học, cạn kiệt TNTN

- Hạn chế nguồn lực giải quyết các vấn đề môi trường
- Yếu kém về nhận thức môi trường
- Tăng nhanh đô thị hóa, dân số

Là 1 trong các biện pháp hữu hiệu: KT, kĩ thuật, XH, VH, sinh thái, hành chính pháp chế

Quá trình tiếp cận giải quyết các vấn đề:

- 1- KT XH và môi trường đối lập nhau
- 2- KT và MT gắn kết với nhau
- 3- KT XH và MT gắn kết với nhau

4 yếu tố cơ bản thực hiện PL BVMT:

- + Chiến lược rõ ràng
- + kế hoạch hành động cụ thể
- + thể chế luật pháp hữu hiệu
- + nhận thức về môi trường không ngừng nâng cao

BVMT là những hoạt động giữ cho môi trường trong lành sạch đẹp, cải thiện môi trường, đảm bảo cân bằng sinh thái, ngăn chặn khắc phục hậu quả xấu do con người và thiên nhiên gây ra cho môi trường, khai thác sử dụng hợp lý TNTN

1.2 cơ sở thực tế về hiện trạng môi trường VN:

- ◆ Nguy cơ mất rừng đang đe dọa nhiều vùng
- ◆ Sự suy giảm nhanh tài nguyên về chất và lượng
- ◆ Việc khai thác sử dụng lãng phí TNTN gây ô nhiễm đất ngày càng gia tăng
- ◆ TN biển đặc biệt là TN sinh vật, các rạn san hô, rừng ngập mặn đã và đang suy giảm
- ◆ Các TN khoáng sản, TN nước, TN sinh vật và các hệ sinh thái đang bị sử dụng không hợp lý có xu hướng nghèo đi và cạn kiệt dần
- ◆ Môi trường nước, không khí, đất đã bị ô nhiễm, vấn đề vệ sinh môi trường phức tạp đã phát sinh, có nơi có lúc nghiêm trọng trong các vùng đô thị và nông thôn
- ◆ Do tác hại của chiến tranh, đặc biệt là các hóa chất độc đã và đang gây ra những hậu quả nghiêm trọng đối với Thiên nhiên và môi trường VN
- ◆ Gia tăng nhanh chóng của sự phát triển KT và XD cơ sở hạ tầng trong những năm gần đây đối với chính sách mở cửa của VN dẫn đến sự phát triển nhanh chóng của các cơ sở sản xuất, các khu công nghiệp và đô thị hóa là sức ép nhiều mặt đến môi trường hiện nay
- ◆ Việc tăng dân số quá nhanh, việc phân bố không đều và không hợp lý lực lượng lao động giữa các vùng và các ngành khai thác TN là những vấn đề phức tạp trong quan hệ dân số-môi trường

2) quan điểm sửa đổi luật bảo vệ môi trường VN 2005

Việc sửa đổi luật bảo vệ môi trường được thực hiện theo quan điểm và nguyên tắc chỉ đạo sau đây:

- Đảm bảo phù hợp với hiến pháp và quán triệt, thể chế hóa quan điểm nghị quyết đại hội IX của Đảng về việc cần thiết phải phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững, tăng trưởng KT đi đôi với đảm bảo tiến bộ công bằng XH và bảo vệ môi trường
- Đặc biệt là các quan điểm chủ trương, nhiệm vụ đã nêu trong nghị quyết số 41-NQ/TW 15/11/2004 của bộ chính trị về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước
- Phù hợp với thực tiễn trong nước, trình độ dân trí và năng lực thực thi pháp luật hiện tại và trong tương lai của các đối tượng áp dụng luật
- Kế thừa ưu điểm, khắc phục những bất cập của luật bảo vệ môi trường hiện hành, luật hóa 1 số qui định tại văn bản hướng dẫn thi hành luật bảo vệ môi trường đã được kiểm nghiệm trên thực tế, tiếp thu chọn lọc những kinh nghiệm của các nước trong khu vực và trên thế giới về bảo vệ môi trường
- Gắn việc sửa đổi luật bảo vệ môi trường với yêu cầu đổi mới việc ban hành văn bản qui phạm pháp luật và cải cách nền hành chính nhà nước. Theo luật bảo vệ môi trường sửa đổi phải bao quát được các nội dung cụ thể về bảo vệ môi trường gắn kết và hài hòa các luật chuyên ngành liên

quan , đồng thời thể hiện rõ vai trò chủ đạo trong việc điều chỉnh các quan hệ liên quan đến hoạt động bảo vệ môi trường

- Luật bảo vệ môi trường sửa đổi cần phải rõ ràng cụ thể , dễ hiểu và mang tính khả thi cao

3) Cấu trúc và nội dung chính của luật bảo vệ môi trường 2005

Cấu trúc luật BVMT 2005:

29/11/2005 Quốc hội thông qua luật BVMT số 52/2005/QH11 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2006

Gồm 15 chương và 136 điều (1993 có 7 chương và 55 điều)

Nội dung:

Chương I (điều 1→ 7): Qui định chung

Xác định đối tượng và vi phạm điều chỉnh của luật, giải thích thuật ngữ , các nguyên tắc cũng như chính sách nhà nước về bảo vệ môi trường , khuyến khích hành động BVMT và những hành vi bị nghiêm cấm

Chương II (điều 8→ 13) : Tiêu chuẩn môi trường

Xây dựng ban hành và áp dụng tiêu chuẩn môi trường

Chương III (điều 14→ 27) : gồm 3 mục

Đánh giá tác động môi trường

Đánh giá môi trường chiến lược

Cam kết bảo vệ môi trường

Chương IV (28→ 34)

Bảo tồn và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên

Chương V (35→ 49)

Bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ

Trách nhiệm và xử lý sai phạm

Chương VI (50→ 54)

Bảo vệ môi trường đô thị và khu dân cư

Chương VII (55→ 65)

Bảo vệ môi trường biển , sông và các nguồn nước khác

Chương VIII (66→ 85)

5 mục:

Qui định quản lý chất thải

Quản lý chất thải nguy hại

Quản lý chất thải rắn thông thường

Quản lý nước thải

Quản lý và kiểm soát bụi khí thải

Chương IX (86→ 93)

Phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường khắc phục ô nhiễm và phục hồi môi trường

Chương X (94→ 105)

Quan trắc và thông tin môi trường

Chương XI (106→ 117)

Nguồn lực bảo vệ môi trường

Chương XII (118→ 120)

Hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường

Chương XIII (121→ 124)

Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước , mặt trận tổ quốc VN và các tổ chức thành viên về bảo vệ môi trường

Chương XIV (125→ 134)